

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Yêu cầu về kỹ thuật mang tính kỹ thuật thuần túy và các yêu cầu khác liên quan đến việc cung cấp dịch vụ (trừ giá). Yêu cầu về kỹ thuật phải được nêu đầy đủ, rõ ràng và cụ thể để làm cơ sở cho nhà thầu lập E-HSDT.

Trong yêu cầu về kỹ thuật không được đưa ra các điều kiện nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng.

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên công trình: Trồng rừng thay thế năm 2025 và chăm sóc rừng trồng các năm (thay thế diện tích rừng khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án quốc phòng) của Ban QLRPH Sêrêpôk.
- Tên gói thầu: Gói thầu số 5: Trồng rừng thay thế năm 2025 và chăm sóc rừng trồng các năm (thực hiện năm 2026).
- Chủ đầu tư: Ban Quản lý rừng phòng hộ Sêrêpôk.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi qua hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.
- Phương thức đấu thầu: Một giai đoạn một túi hồ sơ.
- Loại hợp đồng: Trọn gói
- Thời gian thực hiện gói thầu: Từ năm 2026- năm 2030

2. Địa điểm: thuộc một phần các tiểu khu 70, 74, 198, 199, 200 nằm trong địa giới hành chính xã: Đam Rông 3, Đam Rông 4, Đam Rông 2, tỉnh Lâm Đồng; bao gồm 05 tiểu khu, 07 khoảnh, 12 lô; cụ thể:

- Tiểu khu 74: 02 khoảnh, 02 lô:
 - + Khoảnh 5 gồm 01 lô (lô 1);
 - + Khoảnh 6 gồm 01 lô (lô 1);
- Tiểu khu 70: 02 khoảnh, 05 lô:
 - + Khoảnh 2 gồm 04 lô (lô 1, 2, 3, 4);
 - + Khoảnh 7 gồm 01 lô (lô 1);
- Tiểu khu 198: 01 khoảnh (khoảnh 6), 02 lô (lô 1, 2);
- Tiểu khu 199: 01 khoảnh (khoảnh 5), 02 lô (lô 1, 2);
- Tiểu khu 200: 01 khoảnh (khoảnh 4), 01 lô (lô 1).

3. Mục tiêu của công trình: nhằm duy trì, đảm bảo tỷ lệ che phủ rừng khi thực hiện chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án quốc phòng; nâng cao hiệu quả sử dụng đất lâm nghiệp tại đơn vị Chủ đầu tư.

4. Nội dung và quy mô công trình:

- Trồng rừng thay thế năm 2026 và chăm sóc rừng trồng các năm với tổng diện tích thiết kế 51,55 ha; trong đó:
 - + Diện tích trồng rừng: 46,87 ha;
 - + Diện tích đường ranh cản lửa: 4,68 ha;
- Loài cây trồng: Thông 03 lá (*Pinus kesiya Royle ex Gordon*);
- Phương thức trồng: trồng thuần loài theo lô bằng cây con có túi bầu;

- Mật độ trồng: 2.000 cây/ha (hàng cách hàng 2,5 mét; cây cách cây 2,0 mét; bố trí hàng theo đường đồng mức).

1.1. Sự cần thiết đầu tư, các yếu tố đầu vào của công trình:

a) Sự cần thiết đầu tư: tại các tiểu khu rừng nêu trên có một số diện tích đất lâm nghiệp chưa có rừng, nên cần thiết phải trồng rừng tập trung trên các diện tích này để ngăn ngừa lấn chiếm, nâng cao hiệu quả sử dụng đất lâm nghiệp tại đơn vị chủ đầu tư; góp phần tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho người dân trong khu vực.

b) Các yếu tố đầu vào của công trình:

b.1) Đối tượng rừng: căn cứ theo các Quyết định: số 895/QĐ-TTg; số 62/QĐ-UBND thì khu vực trồng rừng năm 2025 thuộc đất quy hoạch lâm nghiệp đối tượng rừng sản xuất (diện tích là 38,85 ha) và đối tượng rừng phòng hộ (diện tích là 8,02 ha) hiện do Ban Quản lý rừng phòng hộ Sêrêpôk quản lý.

b.2) Hiện trạng rừng:

- Thực tế: là diện tích chưa có rừng; thực bì chủ yếu lau lách, cây bụi xen lồ ô, le tép tái sinh, có chiều cao bình quân từ 1,0 ^ 1,5 mét, tỷ lệ che phủ từ 20 ^ 30%; xếp loại thực bì nhóm I.

- Theo kết quả kiểm kê rừng năm 2014 theo Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 28/01/2015 được cập nhật diễn biến rừng năm 2024 tại Quyết định số 661/QĐ-UBND ngày 31/3/2025 thì hiện trạng:

+ DT1: 23,91 ha; DT2: 5,52 ha; DNN: 21,79 ha; DTR: 0,33 ha.

+ Đơn vị đã phối hợp cùng Hạt Kiểm lâm Đam Rông xác minh hiện trạng đối với diện tích đất trống có cây tái sinh (DT2) theo kết quả cập nhật diễn biến rừng năm 2024, toàn bộ diện tích là đất trống không có rừng đảm bảo tiêu chí đưa vào thiết kế trồng rừng theo quy định (DT1); đối với diện tích rừng trồng chưa thành rừng thuộc công trình trồng rừng đất trống năm 2019 do trồng không đạt nên đơn vị không nghiệm thu và đã thu hồi tiền đối với diện tích trên.

b.3) Các thông số kỹ thuật cơ bản¹: đất nhóm II; thực bì nhóm I; độ dốc < 25⁰; cự ly đi làm 2,0 ^ 3,0 km; phụ cấp khu vực: 70%.

1.2. Các giải pháp kỹ thuật:

Thực hiện theo đúng quy trình, quy phạm kỹ thuật hiện hành, cụ thể:

a) Trồng rừng:

- Xử lý thực bì:

+ Đối với rừng sản xuất: phát thực bì toàn diện; thực hiện biện pháp phát toàn diện dây leo, cỏ dại, cây bụi, cây phải chặt hạ sát gốc, băm nhỏ cành nhánh xếp gọn theo đường đồng mức; thực bì phát dọn xong hạn chế đốt hoặc đốt có kiểm soát; không được đốt ban ngày và thời điểm cao điểm của mùa khô;

+ Đối với rừng phòng hộ: phát dọn thực bì toàn diện trên diện tích thiết kế, phát sát gốc; băm dập thành những đoạn; thực bì sau khi phát phải được xử lý theo quy định hiện hành (gom lại đưa ra ngoài lô hoặc gom lại từng dải dọc theo đường đồng mức và không được đốt).

- Làm đất:

+ Đào hố theo đường đồng mức, kích thước hố đào 40 cm x 40 cm x 40 cm; đào lớp đất mặt để một bên, lớp đất bên dưới để một bên. Đào hố xong phơi ải ít nhất 15 ngày mới lấp hố;

¹ Theo Thông tư số 21/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định một số định mức kinh tế - kỹ thuật về lâm nghiệp.

+ Lấp hố: dùng cuốc đập nhỏ lớp đất mặt (đất tầng A) và lớp đất bên dưới (đất tầng B), nhặt hết rễ cây, đá lẫn rồi lấp đất tầng A xuống hố trước, lấp đất B xuống sau; kết hợp bón phân 0,1 kg NPK/hố; lượng đất lấp cao hơn mặt đất tự nhiên khoảng $2 \wedge 3$ cm. Bón lót và lấp hố trước khi trồng cây từ $7 \wedge 10$ ngày.

- Vận chuyển và trồng cây (trong đó cây trồng, phân bón sẽ do chủ đầu tư cung cấp tại điểm tập kết, nhà thầu thực hiện vận chuyển đến khu vực trồng)

+ Khi bốc xếp vận chuyển tránh làm vỡ bầu, dập nát, gãy ngọn; cây giống vận chuyển từ vườn ươm được tập kết, chăm sóc tại hiện trường trồng rừng từ 07 đến 10 ngày để cho cây phục hồi, ổn định sau quá trình vận chuyển;

+ Rải cây: rải cây đến từng miệng hố, phải đặt cây nhẹ nhàng, tránh làm vỡ bầu, dập nát, gãy ngọn.

- Nguồn giống phục vụ trồng rừng: phải sử dụng cây con có nguồn gốc rõ ràng, được sản xuất từ các nguồn giống đã được công nhận; cây giống đảm bảo chất lượng trước khi xuất vườn;

- Thời vụ trồng rừng: trồng khi thời tiết thuận lợi, đất có đủ độ ẩm trong khoảng thời gian từ tháng 5 đến tháng 9 dương lịch; thực hiện trồng dặm những cây bị chết; cây gãy thân, gãy ngọn; cây kém phẩm chất sau khi trồng từ 15 ngày đến hết thời vụ trồng rừng;

- Theo dõi tình hình sinh trưởng của cây trồng; thực hiện các biện pháp phòng trừ sâu bệnh hại cây trồng theo quy định.

b) Biện pháp kỹ thuật chăm sóc rừng trồng: rừng trồng được chăm sóc trong 05 năm.

b1) Năm thứ nhất - Năm trồng 2026: chăm sóc 02 lần/năm.

b1.1) Chăm sóc lần 1:

- Thời gian thực hiện: sau khi trồng từ 1 đến 2 tháng.

- Biện pháp kỹ thuật:

+ Phát thực bì toàn diện trên lô rừng trồng, chiều cao gốc phát < 10 cm, cắt gỡ dây leo quấn vào cây trồng;

+ Trồng dặm những cây bị chết; cây gãy thân, gãy ngọn; cây kém phẩm chất; sửa sang cây cho ngay ngắn.

b1.2) Chăm sóc lần 2:

- Thời gian thực hiện: từ tháng 10 đến tháng 12 năm 2026.

- Biện pháp kỹ thuật:

+ Phát thực bì toàn diện trên lô rừng trồng, chiều cao gốc phát < 10 cm, cắt gỡ dây leo quấn vào cây trồng. Thực bì, dây leo sau khi phát, cắt gỡ phải được xử lý theo quy định hiện hành;

+ Xạc cỏ, vun xới đất xung quanh gốc cây theo hình mâm xôi với đường kính từ $0,6 \wedge 0,8$ mét; chiều sâu từ 4 đến 5 cm;

+ Làm đường ranh cản lửa rộng từ $6,0 \wedge 8,0$ mét bao quanh các vị trí có nguy cơ cháy lan hoặc xung quanh lô rừng trồng để phòng cháy chữa cháy rừng (PCCCR), khối lượng 4,68 ha;

+ Quản lý bảo vệ rừng (QLBVR) và PCCCR trong mùa khô;

+ Nghiệm thu, lập hồ sơ quản lý rừng trồng.

b2) Năm thứ 2, 3 (năm 2027, 2028): chăm sóc 02 lần/năm.

b2.1) Chăm sóc lần 1:

- Thời gian thực hiện: từ tháng 4 đến tháng 7 hàng năm.
- Biện pháp kỹ thuật:
 - + Phát thực bì toàn diện trên lô rừng trồng, chiều cao gốc phát < 10 cm, cắt gỡ dây leo quấn vào cây trồng;
 - + Trồng dặm những cây bị chết; cây gãy thân, gãy ngọn; cây kém phẩm chất; sửa sang cây cho ngay ngắn.

b2.2) Chăm sóc lần 2:

- Thời gian thực hiện: từ tháng 10 đến tháng 12 hàng năm.
- Biện pháp kỹ thuật:
 - + Phát thực bì toàn diện trên lô rừng trồng, chiều cao gốc phát < 10 cm, cắt gỡ dây leo quấn vào cây trồng. Thực bì, dây leo sau khi phát, cắt gỡ phải được xử lý theo quy định hiện hành;
 - + Xạc cỏ, vun xới đất xung quanh gốc cây theo hình mâm xôi với đường kính từ 0,8 ^ 1,0 mét; chiều sâu 4 đến 5 cm;
 - + Bón phân: kết hợp với xới chăm sóc vào đầu mùa mưa, khối lượng từ 0,1 đến 0,3 kg phân NPK/cây hoặc phân hữu cơ vi sinh từ 0,5 đến 1,0 kg/cây, bón theo rạch phần dốc phía trên dốc, cách gốc cây 30 đến 40 cm. Trộn đều phân với đất, lấp đất phủ kín lên trên.
 - + Tu sửa đường ranh cản lửa rộng từ 6,0 ^ 8,0 mét bao quanh các vị trí có nguy cơ cháy lan hoặc xung quanh lô rừng trồng để PCCCR, khối lượng 4,68 ha;
 - + QLVR và PCCCR trong mùa khô;
 - + Nghiệm thu, lập hồ sơ quản lý rừng trồng.

b2.3) Năm thứ 4, 5 (năm 2029, 2030): chăm sóc 01 lần/năm.

- Thời gian thực hiện: từ tháng 10 đến tháng 12 hàng năm.
- Biện pháp kỹ thuật:
 - + Phát dọn thực bì toàn diện trên lô, chiều cao gốc phát < 10 cm; tỉa bớt cành nhánh thấp, thoái hóa cho cây trồng. Thực bì, cành nhánh cây sau khi phát, tỉa phải được xử lý theo quy định hiện hành;
 - + Tu sửa đường ranh cản lửa rộng từ 6,0 ^ 8,0 mét bao quanh các vị trí có nguy cơ cháy lan hoặc xung quanh lô rừng trồng để PCCCR, khối lượng 4,68 ha;
 - + QLVR và PCCCR trong mùa khô;
 - + Nghiệm thu, lập hồ sơ quản lý rừng trồng.

Biện pháp QLVR - PCCC rừng:

- Canh gác, phát hiện, ngăn ngừa sự pha hoại của con người và gia súc và các tác nhân gây hại, ảnh hưởng đến rừng trồng.
- Phòng trừ, phát hiện sâu bệnh hại, lửa để có biện pháp ngăn chặn kịp thời.
- Phòng cháy chữa cháy (PCCC) cho rừng trồng: Trong lần chăm sóc rừng trồng vào mùa khô hàng năm (lần 2 năm 1, năm 2 và năm 3; lần 1 năm 4; lần 1 năm 5) cần phải thi công các công trình PCCC rừng, cụ thể:

+ Làm (năm 1), tu sửa (năm 2, 3, 4, 5) đường ranh cản lửa rộng từ 6,0 ÷ 8,0 mét bao bọc các vị trí có nguy cơ cháy lan hoặc xung quanh lô rừng trồng để PCCC cho rừng trồng, khối lượng 4,68 ha.

+ Xử lý vật liệu cháy: Toàn bộ thực bì sau khi phát, dây leo quấn vào thân cây sau khi cắt gỡ, cành nhánh cây sau khi tỉa phải được gom, dọn, xử lý theo quy định hiện hành

Biện pháp thực hiện QLBR, PCCCR, phòng trừ sâu bệnh hại và nuôi dưỡng rừng trồng theo quy định hiện hành của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh Lâm Đồng và hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lâm Đồng

- Nghiệm thu, lập hồ sơ quản lý rừng trồng:

Sau khi thực hiện hoàn thành mỗi hạng mục công trình trong trồng rừng, chăm sóc rừng trồng và hàng năm đều phải tiến hành nghiệm thu, lập hồ sơ để quản lý rừng trồng theo quy định.

Thời gian thực hiện công trình: Từ năm 2026 đến năm 2030, cụ thể:

TT	Hạng mục	ĐVT	Khối lượng (ha)	Kế hoạch thực hiện				
				Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
1	Trồng rừng và chăm sóc rừng trồng năm trồng 1	Ha	46,87	46,87				
2	Làm đường ranh cản lửa năm 1	Ha	4,68	4,68				
3	Chăm sóc rừng trồng năm 2	ha	46,87		46,87			
4	Làm đường ranh cản lửa năm 2	Ha	4,68		4,68			
5	Chăm sóc rừng trồng năm 3	Ha	46,87			46,87		
6	Làm đường ranh cản lửa năm 3	Ha	4,68			4,68		
7	Chăm sóc rừng trồng năm 4	ha	46,87				46,87	
8	Làm đường ranh cản lửa năm 4	Ha	4,68				4,68	
9	Chăm sóc rừng trồng năm 5	Ha	46,87					46,87
10	Làm đường ranh cản lửa năm 5	Ha	4,68					4,68

4. Giải pháp và phương pháp luận:

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện dịch vụ theo các nội dung quy định tại Chương này, gồm các phần như sau:

1. Giải pháp và phương pháp luận;
2. Kế hoạch công tác.

5. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm:

1. Kiểm tra: kiểm tra thường xuyên từng hạng mục công trình, đánh giá cụ thể tiến độ thực hiện.

2. Nghiệm thu: được thực hiện sau khi hoàn thành tất cả các hạng mục công trình hoặc theo đề nghị nghiệm thu của đơn vị thi công sau khi hoàn thành xong công trình trong thời gian quy định.

3. Thành phần nghiệm thu, gồm các đại diện các bên: chủ đầu tư, giám sát, thi công, các ngành chức năng, chính quyền địa phương (theo đề nghị của chủ đầu tư).

4. Hồ sơ nghiệm thu, gồm: thiết kế, dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; báo cáo kết quả thực hiện của đơn vị thi công và tài liệu khác có liên quan (nếu có).

5. Kết quả nghiệm thu được lập thành biên bản nghiệm thu để thanh quyết toán theo quy định.